

Trên đây là nội dung hướng dẫn chuyển số khi áp dụng hệ thống tài khoản kế toán ngân sách xã đối với các đơn vị xã, phường, thị trấn.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ký hướng dẫn việc chuyển số khi áp dụng hệ thống tài khoản kế toán ngân sách xã đối với các đơn vị xã, phường, thị trấn. Trong quá trình thực hiện chuyển số, nếu có vướng mắc khó khăn đề nghị các xã, phường, thị trấn phản ánh về Sở Tài chính - Vật giá địa phương và Bộ Tài chính để kịp thời nghiên cứu, hướng dẫn thêm./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thứ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

## **THÔNG TƯ số 173/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 hướng dẫn thu thuế đối với các cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.**

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH98 ngày 10/5/1997;

Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn thêm một số điểm về thu thuế giá trị gia tăng đối với các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa và dịch vụ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng như sau:

### **I. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ**

Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này là các cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề kinh doanh, quy mô kinh doanh, có đăng ký kinh doanh hay không có đăng ký kinh doanh (gọi chung là hộ kinh doanh) thuộc đối tượng phải nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp, bao gồm:

1. Các cá nhân và nhóm cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 66-HĐBT ngày 02/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về cá nhân và nhóm cá nhân kinh doanh.
2. Các hộ kinh tế gia đình sản xuất kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 29/HĐBT ngày 09/3/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về kinh tế gia đình bao gồm cả những hộ nông dân có hoạt động chế biến sản phẩm nông sản do mình trực tiếp sản xuất ra.
3. Các cá nhân kinh doanh lưu động (buôn chuyền).
4. Người cho thuê tài sản: nhà, cửa hàng, kho, bãi...
5. Các cá nhân, nhóm cá nhân hành nghề tự do.
6. Các cá nhân, nhóm cá nhân làm việc trong các tổ chức kinh tế nhận khoán tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh.

### **II. CĂN CỨ TÍNH THUẾ**

1. Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng đối với hộ cá thể sản xuất, kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng là giá trị gia tăng và thuế suất.

a) Giá trị gia tăng:

Giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ là chênh lệch giữa giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ chịu

thuế bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng.

- Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra (gọi là doanh số bán ra) tính theo số lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra và giá bán thực tế bên mua phải thanh toán bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm (nếu có).

- Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng, được xác định bằng số lượng hàng hóa, dịch vụ nhân (x) với đơn giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào mà cơ sở đã dùng vào sản xuất, kinh doanh, tương ứng với số lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bán ra.

Đối với một số ngành nghề kinh doanh giá trị gia tăng được xác định như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh thương nghiệp là số chênh lệch giữa doanh số bán ra với giá thanh toán hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được giá thanh toán hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá thanh toán hàng mua vào tương ứng bằng (=) Giá thanh toán hàng mua tồn đầu kỳ cộng (+) Giá thanh toán hàng mua trong kỳ trừ (-) Giá thanh toán hàng mua tồn cuối kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ (-) chi phí vật tư, nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình, trong giá mua có cả thuế giá trị gia tăng dồn vào.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu trước vận tải, bốc xếp trừ (-) chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền

phục vụ và các khoản thu khác trừ (-) giá thanh toán hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động cho thuê nhà, thuê kho, bãi và các loại tài sản khác là chênh lệch giữa tiền thu về cho thuê trừ (-) đi giá trị vật tư nguyên vật liệu dùng để sửa chữa; chi phí điện nước (nếu bên cho thuê phải thanh toán).

- Đối với hoạt động đại lý bán hàng, ủy thác mua hàng hưởng hoa hồng không phải nộp thuế giá trị gia tăng tính trên hoa hồng được hưởng mà chỉ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Họ cá thể nhận đại lý bán hàng, ủy thác mua hàng hưởng hoa hồng đáp ứng đủ các điều kiện sau đây không phải nộp thuế giá trị gia tăng trên hoa hồng được hưởng:

+ Phải có đăng ký kinh doanh hoạt động đại lý ủy thác.

+ Phải có hợp đồng đại lý, hợp đồng ủy thác ghi rõ hoa hồng được hưởng, mua, bán hàng hóa theo đúng giá của bên giao đại lý, bên giao ủy thác định.

+ Hàng hóa đại lý bán, ủy thác mua phải phản ánh trên hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

+ Nếu hết hợp đồng đại lý, ủy thác phải có quyết toán hợp đồng.

Các trường hợp đại lý bán hàng, ủy thác mua hàng không đáp ứng các điều kiện trên thì thuế giá trị gia tăng được tính như đối với hoạt động kinh doanh thương nghiệp (mua đứt, bán đoạn).

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh trừ (-) giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra quy định trên đây bao gồm cả các khoản phụ thu, phí thu thêm ngoài giá bán mà cơ sở kinh doanh được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán hàng hóa, dịch vụ mua vào quy định trên đây bao gồm cả các khoản thuế và phí đã

trả tính trong giá thanh toán hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc hàng hóa nhập khẩu.

b) Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Thuế suất thuế giá trị gia tăng được áp dụng theo Mục II Phần B Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

Hộ kinh doanh nhiều mặt hàng có thuế suất khác nhau phải hạch toán và kê khai riêng doanh số của từng mặt hàng để áp dụng thuế suất riêng cho từng mặt hàng. Nếu không hạch toán riêng được doanh số của từng mặt hàng thì áp dụng thuế suất của mặt hàng cao nhất.

Hộ kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, cơ quan thuế phải ấn định doanh số để tính thuế. Nếu kinh doanh nhiều mặt hàng thì áp dụng thuế suất của mặt hàng có tỷ trọng lớn nhất.

## 2. Phương pháp tính thuế:

2.1. Phương pháp tính thuế đối với từng trường hợp cụ thể được áp dụng như sau:

a) Đối với hộ kinh doanh đã thực hiện đầy đủ chế độ lập hóa đơn, chứng từ theo quy định, giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào và doanh số bán ra của hàng hóa, dịch vụ đều có hóa đơn, chứng từ hợp lệ:

Thuế giá trị gia tăng phải nộp = (Doanh số bán - Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào) (x) thuế suất

Hay Thuế giá trị gia tăng phải nộp = Giá trị gia tăng nhân (x) với thuế suất.

Giá trị gia tăng được xác định căn cứ vào doanh số bán ra phản ánh trên hóa đơn, chứng từ hợp lệ trừ đi giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào phản ánh trên hóa đơn, chứng từ hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế.

Ví dụ: Một cơ sở A sản xuất đồ gỗ trong tháng bán được 150 sản phẩm, tổng doanh số bán là 25 triệu đồng.

Giá trị vật tư nguyên vật liệu mua vào để sản xuất 150 sản phẩm là 20 triệu đồng (trong đó có cả nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, tiền điện, nước, điện thoại,...).

Thuế suất thuế giá trị tăng là 10%.

Thuế giá trị gia tăng cơ sở A phải nộp được tính như sau:

+ Giá trị gia tăng của sản phẩm bán ra:

$25 \text{ triệu đồng} - 20 \text{ triệu đồng} = 5 \text{ triệu đồng}$ .

+ Thuế giá trị gia tăng phải nộp:

$5 \text{ triệu đồng} \times 10\% = 0,5 \text{ triệu đồng}$ .

b) Đối với hộ kinh doanh đã thực hiện chế độ lập hóa đơn, chứng từ khi bán hàng hóa, dịch vụ nhưng không có đủ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào:

Thuế giá trị gia tăng = Doanh số bán ra nhân (x) Tỷ lệ giá trị gia tăng nhân (x) thuế suất.

Giá trị gia tăng được xác định căn cứ vào doanh số bán ra của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế phản ánh trên hóa đơn, chứng từ và tỷ lệ giá trị gia tăng.

Ví dụ: Văn cơ sở kinh doanh A nêu trên có doanh số bán 150 sản phẩm là 25 triệu đồng.

Tỷ lệ giá trị gia tăng của mặt hàng cơ sở sản xuất được quy định là 20% trên doanh số bán ra.

Thuế giá trị gia tăng phải nộp là:

+ Xác định giá trị gia tăng:

$25 \text{ triệu đồng} \times 20\% = 5 \text{ triệu đồng}$ .

+ Thuế giá trị gia tăng phải nộp:

$5 \text{ triệu đồng} \times 10\% = 0,5 \text{ triệu đồng}$ .

c) Đối với hộ kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán, chế độ lập hóa đơn, chứng từ khi mua, bán hàng hóa, dịch vụ:

Thuế giá trị gia tăng = Doanh số ấn định nhân (x) với tỷ lệ giá trị gia tăng nhân (x) thuế suất.

Giá trị gia tăng được xác định căn cứ doanh số ấn định và tỷ lệ giá trị gia tăng.

Doanh số ấn định được xác định căn cứ vào tình hình sản xuất, kinh doanh của từng hộ kinh doanh. Để đảm bảo việc ấn định doanh số cho sát với tình hình kinh doanh và khách quan, việc ấn định doanh số được thực hiện như sau:

+ Hộ kinh doanh căn cứ vào kết quả kinh doanh kỳ trước và dự kiến khả năng tăng, giảm kinh doanh trong thời gian tiếp theo, tự kê khai doanh số bình quân tháng kỳ tiếp theo nộp cho cơ quan thuế.

+ Cơ quan thuế căn cứ tờ khai của hộ kinh doanh tiến hành điều tra hoặc phối hợp với Hội đồng tư vấn điều tra, xác minh các căn cứ để xác định tính chính xác của việc kê khai. Trường hợp hộ kinh doanh kê khai thiếu trung thực hoặc không kê khai sẽ sử dụng luôn tài liệu điều tra để làm căn cứ ấn định. Các nội dung điều tra cơ quan thuế cần nắm được là:

- . Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra bình quân tại thời điểm điều tra.

- . Giá trị hàng hóa còn tồn.
- . Diện tích sản xuất kinh doanh.
- . Số lao động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- . Địa điểm kinh doanh....

Việc điều tra có thể tiến hành cụ thể với từng hộ hoặc phân nhóm, tổ chức điều tra điển hình sau đó suy ra các hộ kinh doanh cùng ngành nghề, cùng quy mô.

+ Lập danh sách hộ kinh doanh, dự kiến doanh số từng hộ kinh doanh và thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã, ban quản lý chợ để tham khảo ý kiến.

Sau thời gian niêm yết, công khai lấy ý kiến, phải nghiên cứu kỹ ý kiến tham gia của hộ kinh doanh, của Ủy ban nhân dân dân phố, xã, ban quản lý chợ và nhân dân. Trường hợp cần điều tra xác minh lại phải phối hợp với Hội đồng tư vấn điều tra lại để kết luận.

Doanh số từng hộ kinh doanh sau khi đã được điều chỉnh lại trình lãnh đạo Chi cục thuế duyệt làm căn cứ để xác định giá trị gia tăng và tính thuế giá trị gia tăng phải nộp.

Trường hợp hộ kinh doanh đã kê khai hoặc cơ quan thuế đã điều tra ấn định doanh số để tính thuế giá trị gia tăng nhưng có tài liệu khẳng định số liệu kê khai hoặc doanh số đã ấn định thấp hơn doanh số thực tế, cơ quan thuế được quyền tính lại số thuế giá trị gia tăng theo kết quả kinh doanh thực tế.

#### d) Đối với hộ kinh doanh buôn chuyển:

Thuế giá trị gia tăng = Giá thanh toán của hàng hóa mua vào nhân (x) tỷ lệ giá trị gia tăng (x) thuế suất.

#### 2.2. Tỷ lệ giá trị gia tăng:

Tỷ lệ giá trị gia tăng do cơ quan thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương điều tra, xác định theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế. Tỷ lệ giá trị giá tăng được ấn định theo ngành, nghề và mặt hàng kinh doanh, phù hợp với từng địa bàn cụ thể (thành phố, đồng bằng, miền núi).

Để đảm bảo cân đối chung giữa các địa phương, các vùng, Tổng cục Thuế hướng dẫn khung tỷ lệ cho từng ngành nghề và theo vùng lân thổ. Căn cứ khung đã hướng dẫn, Cục thuế cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn. Trường hợp cá biệt vượt quá khung theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế, Cục thuế báo cáo xin ý kiến để được sự chấp thuận của Tổng cục Thuế.

### III. ĐĂNG KÝ KÊ KHAI NỘP THUẾ

#### 1. Đăng ký nộp thuế:

Các đối tượng quy định tại Mục I Thông tư này đều phải đăng ký nộp thuế với Chi cục thuế nơi có địa điểm kinh doanh về: ngành nghề kinh doanh, mặt hàng kinh doanh, lao động, vốn,... và các chỉ tiêu khác theo mẫu đăng ký nộp thuế và hướng dẫn của cơ quan thuế.

- Đối với hộ mới ra kinh doanh, thời gian đăng ký nộp thuế chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ra kinh doanh.

- Các hộ đã đăng ký nộp thuế nếu có thay đổi quy mô kinh doanh, nghỉ kinh doanh hay kinh doanh thêm ngành nghề, mặt hàng khác phải đăng ký bổ sung hoặc có đơn gửi đến cơ quan thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi có sự thay đổi đó.

Để quản lý chặt chẽ các hộ sản xuất, kinh doanh, yêu cầu cơ quan thuế phải thực hiện các quy định sau:

Tất cả các hộ kinh doanh bao gồm cả các hộ có thu nhập thấp thuộc diện được miễn thuế giá trị gia tăng đều phải được phản ánh trên sổ bộ thuế của cơ quan thuế.

- Đối với hộ kinh doanh cố định, đã kinh doanh ổn định (có thời gian kinh doanh liên tục từ 3 tháng trở lên) phản ánh vào sổ bộ chính.

- Các hộ kinh doanh khác (bao gồm hộ kinh doanh không thường xuyên, hộ vãng lai, hộ kinh doanh thời vụ, hộ kinh doanh sáng, tối, hộ kinh doanh có thu nhập thấp thuộc diện miễn thuế,...) phản ánh vào sổ bộ phụ.

- Các hộ xin tạm nghỉ kinh doanh cũng vẫn phải phản ánh vào bộ thuế.

## 2. Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp:

Theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng, hàng tháng hộ kinh doanh phải lập và gửi tờ khai tính thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 06/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính. Để phù hợp với đặc điểm kinh doanh, phương thức quản lý của cơ quan thuế, việc kê khai thuế giá trị gia tăng được thực hiện như sau:

2.1. Hộ kinh doanh thực hiện chế độ kế toán, chế độ hóa đơn, chứng từ nộp thuế theo phương pháp kê khai thì thực hiện kê khai hàng tháng. Thời hạn nộp tờ khai cho Chi cục thuế chậm nhất là ngày 10 của tháng sau.

2.2. Đối với hộ kinh doanh cơ quan thuế phải ấn định doanh số:

- Những hộ kinh doanh được Chi cục thuế ấn định doanh số để tính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và ổn định mức thuế trong 1 thời gian nhất định (3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm), thời hạn kê khai và nộp tờ khai chậm nhất là ngày 10 của tháng cuối cùng thời hạn ổn định (quý, 6 tháng hay cả năm).

Ví dụ: Hộ A được cơ quan thuế ổn định mức thuế từ tháng 1 đến tháng 6. Thời hạn Hộ A phải lập và gửi tờ khai tính thuế để cơ quan thuế xem xét ổn định cho 6 tháng cuối năm (từ tháng 7 đến tháng 12) chậm nhất là ngày 10 tháng 6.

Hộ kinh doanh được Chi cục thuế ổn định mức thuế, nếu trong thời gian ổn định có bổ sung ngành nghề, mặt hàng kinh doanh thì hộ kinh doanh phải khai báo lại với Chi cục thuế để Chi cục thuế tính lại số thuế phải nộp.

Tùy theo tình hình và đặc điểm từng địa phương, Cục thuế hướng dẫn Chi cục thuế căn cứ vào quy mô của hộ kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán, chế độ lập hóa đơn, chứng từ để áp dụng việc ổn định doanh số và mức thuế theo 3 tháng, 6 tháng hay cả năm.

Để đơn giản trong công tác quản lý và thuận tiện cho hộ kinh doanh, đối với hộ kinh doanh chỉ thực hiện được chế độ hóa đơn, chứng từ khi bán hàng hóa, dịch vụ nhưng không đủ hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, và hộ kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán, chế độ lập hóa đơn, chứng từ khi bán hàng, cơ quan thuế phải ấn định doanh số chịu thuế, khi tính thuế giá trị gia tăng đồng thời tính luôn thuế thu nhập doanh nghiệp và thông báo chung vào cùng một thông báo thuế để hộ kinh doanh nộp cùng thời gian và cùng một nơi.

2.3. Đối với hộ kinh doanh buôn chuyển phế kê khai, xuất trình hóa đơn, chứng từ mua hàng và nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng chuyến hàng với Chi cục thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi. Nếu không

có hóa đơn, chứng từ mua hàng hoặc hóa đơn, chứng từ mua hàng không hợp lệ, không đầy đủ Chi cục thuế căn cứ giá cả thị trường tại địa phương được quyền án định doanh số mua hàng để làm căn cứ tính thuế.

Nếu không kê khai nộp thuế tại nơi vận chuyển hàng đi, bị coi là trốn thuế, ngoài việc phải nộp đủ số thuế còn bị phạt về hành vi trốn thuế theo quy định của luật thuế.

### **3. Nộp thuế giá trị gia tăng:**

#### **3.1. Địa điểm nộp thuế:**

Các hộ kinh doanh thuộc đối tượng phải nộp thuế giá trị gia tăng đều phải nộp thuế theo đúng số thuế, ngày nộp thuế và địa điểm nộp thuế ghi trong thông báo. Địa điểm nộp thuế được quy định tại một trong các điểm như sau:

- Đối với hộ kinh doanh thực hiện chế độ kê khai nộp thuế, hộ kinh doanh lớn, địa điểm nộp thuế tại Kho bạc Nhà nước quận, huyện, thị xã.

Tùy theo tình hình và đặc điểm ở địa phương, Cục thuế quy định hộ kinh doanh có số thuế bình quân hàng tháng lớn phải đến nộp trực tiếp tại Kho bạc.

- Các trường hợp khác nếu thuận tiện cũng phải nộp thuế trực tiếp vào Kho bạc. Trường hợp không nộp trực tiếp được vào Kho bạc thì nộp thuế tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã, trụ sở Chi cục thuế, đội thuế, trạm thuế.

Cơ quan thuế tổ chức việc thu thuế tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã. Đội thuế, trạm thuế phải thực hiện đúng quy định về quản lý biên lai thuế, thanh toán biên lai thuế, quản lý tiền thuế thu được, nộp tiền thuế vào Kho bạc. Căn cứ vào tình hình và đặc điểm của từng địa bàn, Cục thuế quy định lịch thanh toán biên lai thuế và nộp tiền thuế vào Kho bạc để thực hiện thống nhất. Thời hạn giữ tiền thuế đối với khu vực quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh không quá 2 ngày. Các huyện đồng bằng không quá 3 ngày, các huyện miền núi không quá 6 ngày.

- Đối với các hộ kinh doanh lưu động, kinh doanh buôn chuyển, hộ vãng lai nếu gần địa điểm đội, trạm thuế thì tổ chức thu ngay tại trụ sở đội, trạm thuế, trường hợp xa các địa điểm thu thì cán bộ thuế được thu trực tiếp và cấp biên lai, nhưng phải thực hiện đúng quy định về thanh toán biên lai, nộp tiền thuế.

#### **3.2. Thời hạn nộp thuế:**

- Đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo chế độ kê khai, thời hạn nộp thuế theo ngày ghi trên thông báo thuế, chậm nhất không quá ngày 25 của tháng sau.

- Đối với hộ kinh doanh được Chi cục thuế ổn định mức thuế, thời hạn nộp thuế theo thông báo của Chi cục thuế. Nhưng chậm nhất không quá ngày 5 của tháng sau.

- Đối với hộ kinh doanh buôn chuyển, thời hạn nộp thuế là trước khi vận chuyển hàng ra khỏi địa phương thu mua.

## **IV. MIỄN, GIẢM THUẾ; KHÔNG PHẢI NỘP THUẾ**

### **1. Miễn, giảm thuế đối với hộ xin nghỉ kinh doanh:**

Hộ cá thể nghỉ kinh doanh trong tháng từ 15 ngày trở lên được xét giảm 50% số thuế phải nộp của tháng, nếu nghỉ cả tháng thì được miễn nộp thuế của tháng đó.

Thẩm quyền xét miễn, giảm thuế giá trị gia tăng đối với hộ xin nghỉ kinh doanh do Chi cục trưởng Chi cục thuế quận, huyện, thị xã ra quyết định cho từng hộ. Chậm nhất sau 10 ngày nhận được đơn xin nghỉ kinh doanh, Chi cục thuế phải thông báo miễn, giảm thuế cho hộ kinh doanh biết.

Việc xét miễn, giảm thuế cho hộ xin nghỉ kinh doanh được thực hiện như sau:

Hộ kinh doanh nghỉ kinh doanh phải có đơn xin nghỉ kinh doanh nộp cơ quan thuế trước 05 ngày

bắt đầu nghỉ. Trường hợp nghỉ kinh doanh vì lý do đột xuất như ốm, bị thiên tai, hoặc các công việc đột xuất khác thì chậm nhất không quá 05 ngày kể từ ngày bắt đầu nghỉ kinh doanh phải nộp đơn cho cơ quan thuế kèm theo các chứng cứ giải trình lý do nghỉ đột xuất. Các trường hợp nghỉ không có đơn xin nghỉ sẽ không được giảm thuế.

Chi cục thuế nhận được đơn xin nghỉ phải tổ chức kiểm tra xác minh. Nếu thực nghỉ thì ra quyết định miễn, giảm thuế trong thời gian xin nghỉ. Đối với hộ kinh doanh vì lý do đột xuất phải nghỉ kinh doanh, nếu Chi cục thuế đã thông báo số thuế phải nộp thì số thuế giảm, miễn sẽ được trừ vào tháng tiếp theo. Khi miễn, giảm thuế cho hộ nghỉ kinh doanh thực hiện cả miễn, giảm thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hộ kinh doanh nếu trong thời gian được miễn, giảm thuế do nghỉ kinh doanh nếu ra kinh doanh sớm hơn hoặc muộn nghỉ thêm đều phải báo cáo với cơ quan thuế. Trường hợp đã trở lại kinh doanh nhưng không khai báo được coi là trốn lậu thuế và bị xử lý vi phạm theo quy định.

## 2. Không phải nộp thuế:

Theo quy định tại Điểm 26 Điều 4 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ của những cá nhân kinh doanh có mức thu nhập bình quân tháng thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định đối với công chức nhà nước thì không phải nộp thuế giá trị gia tăng.

Theo quy định trên và căn cứ vào Nghị định số 06/CP ngày 21/1/1997 của Chính phủ về việc giải quyết tiền lương và trợ cấp năm 1997 đối với công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp, người về hưu, nghỉ mất sức, lực lượng vũ trang, cán bộ xã, phường và một số đối tượng chính sách xã hội thì những hộ kinh doanh có thu nhập bình quân tháng dưới 144.000 đồng không phải nộp thuế giá trị gia

tăng đồng thời được miễn luôn cả thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi cục trưởng Chi cục thuế quyết định hộ kinh doanh có thu nhập thấp không phải nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ xem xét và thủ tục xác định hộ kinh doanh có thu nhập thấp không phải nộp thuế được thực hiện như sau:

- Hộ kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập thấp phải làm đơn xin không phải nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp gửi Chi cục thuế nơi đăng ký nộp thuế.

- Nhận được đơn xin không phải nộp thuế giá trị gia tăng, Chi cục thuế tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế kiểm tra, xác minh lại thu nhập thực tế đạt được trong quá trình kinh doanh. Nếu thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp thì Chi cục trưởng Chi cục thuế ra thông báo để hộ kinh doanh biết.

Hộ kinh doanh trong thời gian được thông báo không phải nộp thuế giá trị gia tăng nếu tình hình kinh doanh có thay đổi, thu nhập kinh doanh tăng lên, vượt quá mức được miễn nộp thuế theo quy định phải khai báo để cơ quan thuế thông báo điều chỉnh. Trường hợp qua kiểm tra, phát hiện thu nhập kinh doanh cao hơn mức thu nhập không phải nộp thuế giá trị gia tăng, cơ quan thuế được phép đình chỉ thực hiện thông báo không phải nộp thuế giá trị gia tăng và hộ kinh doanh phải nộp thuế giá trị gia tăng kể từ tháng kiểm tra phát hiện.

## V. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

**1. Hộ kinh doanh có quyền khiếu nại về việc cán bộ thuế, cơ quan thuế thi hành không đúng Luật Thuế giá trị gia tăng, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành và các Thông tư hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng của Bộ Tài chính.**

**Đơn khiếu nại** được gửi đến Chi cục thuế nơi phát hành thông báo thuế, lệnh thu hoặc quyết định xử lý. Trong khi chờ xem xét giải quyết, hộ kinh doanh khiếu nại vẫn phải nộp tiền thuế, tiền phạt theo đúng thời hạn, số tiền thuế, số tiền phạt đã thông báo.

**2.** Chi cục thuế nhận được đơn khiếu nại của hộ kinh doanh, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn phải trả lời để hộ kinh doanh biết. Nếu cần điều tra, xác minh thêm cũng phải thông báo để hộ kinh doanh biết nhưng thời hạn tối đa không quá 30 ngày.

**3.** Sau khi Chi cục thuế trả lời, nếu thấy chưa thỏa đáng, hoặc đơn gửi đã quá 30 ngày chưa được trả lời, hộ kinh doanh được quyền khiếu nại lên Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để giải quyết. Trường hợp Cục thuế trả lời, hộ kinh doanh vẫn không đồng ý với kết luận của Cục thuế thì được quyền gửi khiếu nại lên Tổng cục Thuế hoặc Bộ Tài chính.

Quyết định của Bộ Tài chính giải quyết khiếu nại về thuế là quyết định cuối cùng.

**4.** Việc giải quyết khiếu nại về thuế của hộ kinh doanh cá thể do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thực hiện. Cục thuế chỉ đạo, kiểm tra các Chi cục thuế giải quyết nhanh, dứt điểm các vụ khiếu nại theo đúng luật thuế và thời hạn trên. Nghiêm cấm việc đùn đẩy trách nhiệm giải quyết khiếu nại lên cơ quan cấp trên.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1.** Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 1999.

**2.** Thông tư này chỉ hướng dẫn thêm việc tính thuế, thu thuế đối với các hộ sản xuất kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp. Các quy định khác không nêu trong Thông tư này được thực hiện theo Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 và Thông tư số 175/1998/TT-BTC ngày 24/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP và Nghị định số 102/1998/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

TT-BTC ngày 27/6/1998 và các văn bản khác của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

**3.** Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu xử lý./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

## THÔNG TƯ số 187/1998/TT-BTC ngày 29/12/1998 hướng dẫn bổ sung thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng cơ bản, sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp.

Căn cứ vào Luật Thuế giá trị gia tăng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10/5/1997 và Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 và Nghị định số 102/1998/NĐ-CP ngày 21/12/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ vào Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 và Thông tư số 175/1998/TT-BTC ngày 24/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP và Nghị định số 102/1998/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung thực hiện thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động xây dựng cơ bản, sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp như sau: